TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HS-ST
Ngày 27-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi; Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/HSST-QĐ, ngày 21/12/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1997; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969; con bà: Lê Thị C, sinh năm 1971; Vợ: Lê Thị Q, sinh năm 2001; bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Nhân thân: Ngày 03/7/2019 bị Công an huyện Quảng Xương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác bằng hình thức phạt tiền 2.500.000đ (đã chấp hành xong ngày 09/7/2019). Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/6/2023 đến ngày 06/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

4. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

5. Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

6. Anh Trần Văn D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

7. Anh Đinh Văn Ng, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

8. Chị Hà Thị X, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt)

9. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn thu lời bất chính nên Nguyễn Văn B nảy sinh ý định sử dụng tiền cá nhân cho khách vay để lấy lãi cao. Quá trình cho khách vay tiền, B và khách vay thoả thuận nội dung vay tiền với nhau bằng hợp đồng miệng rồi B sử dụng điện thoại di động quay lại hình ảnh khách vay tiền và chụp ảnh giấy tờ tuỳ thân của khách vay. Sau đó B sử dụng số điện thoại 087.681.5555 đăng ký tài khoản Bangsubeo123 trên phần mềm Mecash (đã đổi tên thành phần mềm 2Cash) nhập toàn bộ thông tin khách vay và diễn biến hợp đồng vay tiền của từng khách để quản lý.

Trong thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 6/2023, Nguyễn Văn B đã cho 10 người khách trên địa bàn huyện Quảng Xương vay tiền với lãi suất từ 10%/tháng đến 20%/tháng tương đương mức lãi suất từ 120%/năm đến 240%/năm, vượt quá từ 6 đến 12 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vay tiền.

- Ngày 10/5/2022, B cho chị T vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khi cho chị Tình vay tiền, B cắt 500.000đ tiền phí hồ sơ vay. Hằng tháng chị T phải trả cho Bằng 3.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 11/9/2022, chị T đã trả đủ tiền lãi cho Bằng là 12.000.000đ và trả đủ 20.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 1.358.904đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính trong khoản vay này là 11.141.096đ.

- Ngày 30/6/2022, B cho chị T vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất

quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị T phải trả cho B 3.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 26/11/2022, chị T đã trả đủ tiền lãi cho B là 15.000.000đ và trả 20.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 1.632.877đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính trong khoản vay này là 13.367.123đ.

- Ngày 14/7/2022, B cho chị T vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị T phải trả cho B 3.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 11/9/2022, chị T đã trả đủ tiền lãi cho B là 6.000.000đ và trả 20.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 646.575đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 5.353.425đ.

- Ngày 16/7/2022, Nguyễn Văn B cho chị T vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị T phải trả cho B 3.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 07/12/2022, chị T đã trả đủ tiền lãi cho B là 14.500.000đ và trả đủ cho B 20.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 1.578.082đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 12.921.918đ.

- Ngày 10/8/2022, B cho chị T vay 40.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị T phải trả cho B 8.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 07/12/2022, chị T đã trả đủ tiền lãi cho B là 32.000.000đ và trả đủ cho 40.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 2.608.219đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 29.391.781đ.

Tổng số tiền Nguyễn Văn B cho chị Vũ Thị T vay 05 lần là 120.000.000đ, tổng số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 7.824.658đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính 72.175.342đ.

2. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Trần Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện Q vay tiền.

- Ngày 24/6/2022, B cho chị H vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị H phải trả cho B 2.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Tính đến ngày 27/6/2023, thời điểm phát hiện và ngăn chặn tội phạm (12 tháng 03 ngày), chị H trả cho B được 07 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 14.000.000đ. Chị

H còn nợ B 05 tháng 03 ngày tiền lãi là 10.200.000đ và 10.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền lãi B nhằm thu là 24.200.000đ.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 2.854.795đ. Tổng số tiền B nhằm thu lời bất chính là 21.345.205đ. Trong đó số tiền thu lời bất chính thực tế B đã thu là 11.983.562đ.

- Ngày 05/8/2022, B cho chị H vay 5.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị H phải trả cho B 1.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 03/11/2022, chị H đã trả đủ tiền lãi cho B là 3.000.000đ và trả đủ 5.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 246.575đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.753.425đ.

- Ngày 25/10/2022, B cho chị H vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị H phải trả cho B 2.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Tính đến ngày 27/6/2023 (thời điểm phát hiện và ngăn chặn tội phạm) (8 tháng 02 ngày), chị H trả cho B 03 tháng tiền lãi là 6.000.000đ. Chị H còn nợ B 05 tháng 02 ngày lãi là 10.200.000đ và 10.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền lãi B nhằm thu là 16.200.000đ.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp Nguyễn Văn B được hưởng đối với khoản vay này là 2.180.822đ. Tổng số tiền B nhằm thu lời bất chính là 14.019.178đ. Trong đó số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 4.657.534đ.

Tổng số tiền Nguyễn Văn B cho chị Trần Thị H vay 03 khoản trên là 25.000.000đ. Tổng số tiền B nhằm thu lời bất chính đối với 03 khoản vay trên của chị H là 38.117.808đ. Trong đó tổng số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 19.394.521đ.

Quá trình điều tra vụ án ngày 16/7/2023, chị H đã trả thêm cho B 4.500.000đ tiền gốc, tính đến thời điểm hiện tại chị H còn nợ B tổng số tiền 15.500.000đ tiền gốc của cả 02 khoản vay còn lại.

3. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q vay tiền.

Ngày 27/9/2022, Nguyễn Văn B cho chị Nguyễn Thị T vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị T phải trả cho B 1.500.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 18/02/2023, chị T đã trả đủ cho B tiền lãi là 7.100.000đ và trả đủ 10.000.000đ tiền gốc (BL 118-120).

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 789.041đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 6.310.959đ.

4. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn Th, xã Q, huyện Quảng Xương vay tiền.

Ngày 05/8/2022, Nguyễn Văn B cho chị Hoàng Thị L vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị L phải trả cho B 4.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 19/3/2023, chị L đã trả đủ cho B tiền lãi là 30.266.000đ và trả đủ cho B 20.000.000đ nợ gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 2.476.712đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 27.789.288đ.

5. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn Tr, xã Q, huyện Q vay tiền.

Ngày 13/6/2022, Nguyễn Văn B cho chị Trần Thị H vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; B thu của chị H 500.000đ tiền phí hồ sơ. Hàng tháng chị H phải trả cho B 1.500.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 15/12/2022, chị H đã trả đủ cho B tiền lãi là 9.000.000đ và trả đủ 10.000.000đ nợ gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 1.013.699đ. Tổng số tiền Bằng thu lời bất chính là 8.486.301đ.

6. Hành vi Nguyễn Văn B cho anh Trần Văn D, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q vay tiền

Ngày 13/7/2022, Nguyễn Văn B cho anh Trần Văn D vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 10%/tháng, tương đương 120%/năm, gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng anh D phải trả cho B 2.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 21/10/2022, anh D đã trả đủ cho B tiền lãi là 8.000.000đ và trả đủ 20.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 1.095.890đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 6.904.110đ.

7. Hành vi Nguyễn Văn B cho anh Đinh Văn Ng, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q vay tiền.

Ngày 13/7/2022, Nguyễn Văn B cho anh Đinh Văn Ng vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng anh Ng phải trả cho B 2.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 13/8/2022, anh Ng đã trả đủ cho B tiền lãi là 2.000.000đ và trả đủ cho B 10.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 169.863đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 1.830.137đ.

8. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Hà Thị X, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q vay tiền.

Ngày 26/6/2022, Nguyễn Văn B cho chị Hà Thị X vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị X phải trả cho B 1.500.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 12/10/2022, chị X đã trả đủ cho B tiền lãi là 5.450.000đ và trả đủ 10.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 591.781đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 4.858.219đ.

9. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Phạm Thị Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q vay tiền.

Ngày 21/7/2022, Nguyễn Văn B cho chị Phạm Thị Th vay 30.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị Th phải trả cho B 4.500.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 22/11/2022, chị Th đã trả đủ cho tiền lãi là 18.750.000đ và trả đủ 30.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 2.038.356đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 16.711.644đ.

10. Hành vi Nguyễn Văn B cho chị Trần Thị V vay tiền.

Ngày 09/11/2022, Nguyễn Văn B cho chị Trần Thị V (Bằng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị V phải trả cho B 2.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Đến ngày 09/01/2023, chị V đã trả đủ cho B tiền lãi là 4.000.000đ và trả đủ 10.000.000đ tiền gốc.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật Dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là 334.247đ. Tổng số tiền B thu lời bất chính là 3.665.753đ.

Quá trình điều tra bản thân Bằng khai nhận: Do mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, chị Trần Thị V đến gặp B để hỏi vay tiền. Khi vay tiền chị V để lại căn cước công dân của mình cho B giữ để làm tin. Khi chị V trả hết tiền thì B đã trả lại căn cước công dân cho chị V. Thông tin về khoản vay của chị V được B nhập tên vào khoản "Bangsubeo123" trên phần mềm Mecash. B không nhớ được thông tin tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của chị Trần Thị V. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã thông báo bằng văn bản gửi đến Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Q đề nghị phối hợp rà soát, xác minh thông tin của khách vay Trần Thị V và thông tin người vay tiền của Nguyễn Văn B để mở rộng điều tra vụ án. Tuy nhiên đến nay ngoài những người vay nêu trên, Cơ quan điều tra không tiếp nhận

thêm thông tin về khách vay Trần Thị V và những người khác vay tiền của Nguyễn Văn B. Vì vậy đến nay Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương chưa xác minh, làm việc được với người vay có tên là Trần Thị V về nội dung vay tiền của B. Tuy nhiên căn cứ tài liệu, chứng cứ là dữ liệu hợp đồng vay tiền của chị Trần Thị V được Cơ quan điều tra thu giữ từ khoản "Bangsubeo123" phù hợp với lời khai Nguyễn Văn B tại các Biên bản hỏi cung ngày 25/7/2023, ngày 26/9/2023, ngày 19/10/2023 trong quá trình điều tra. Do đó có căn cứ kết luận Nguyễn Văn B thực hiện hành vi cho chị Trần Thị V vay tiền như trên.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Văn B cho 10 người vay là 265.000.000đ (trong đó xác định số tiền gốc mà B sử dụng cho vay là 235.000.000đ, còn 30.000.000đ là tiền quay vòng từ số tiền gốc người vay đã trả cho B), với mức lãi suất cho vay từ 10%/tháng đến 20%/tháng, tương đương mức lãi suất từ 120%/năm đến 240%/năm, vượt quá từ 6 đến 12 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi và phí người vay phải trả cho B là 208.466.000đ, số tiền lãi hợp pháp là 21.616.438đ. Tổng số tiền B nhằm thu lợi bất chính đối với các khoản vay của những người vay trên là 186.849.562đ. Trong đó số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 141.890.658đ. Số tiền gốc người vay còn nợ B là 15.500.000đ.

Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 235.000.000đ B cho vay là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó tịch thu của B 219.500.000.000đ (số tiền gốc người vay đã trả cho B); tịch thu của chị Trần Thị H 15.500.000đ tiền gốc chị H chưa trả, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS mà B đã thu là 21.616.438đ cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà B phải có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án.

Cáo trạng số: 85/CTr-VKSQX, ngày 10/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Văn B về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Về phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về biện pháp tư pháp:

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền gốc B cho vay là 235.000.000đ. Trong đó tịch thu của B 219.500.000.000đ (số tiền gốc người vay đã trả cho B); tịch thu của chị Trần Thị H 15.500.000đ tiền gốc chị H chưa trả, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS mà B đã thu là 21.616.438đ cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà B đã thu chị Phạm Thị Th, Trần Thị H và anh Trần Văn D không yêu cầu B phải trả lại; Ngày 04/12/2023, B đã tự nguyện trả lại đủ số tiền lãi vượt quá theo qui định của pháp luật cho chị Vũ Thị T, Nguyễn Thị T, Đinh Văn Ng, Hà Thị X, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. B phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của BLDS cho chị Trần Thị H 8.486.301đ, chị Hoàng Thị L 27.789.288đ.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật,

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tự bào chữa, tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị chị Phạm Thị Th, chị Trần Thị H, anh Trần Văn D, chị Trần Thị H, chị Vũ Thị T, chị Hà Thị X, chị Nguyễn Thị T, chị Hoàng Thị L, anh Đinh Văn Ng tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai cần thiết cho việc xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ xác định tội phạm:

Trong thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 6/2023, Nguyễn Văn B sử dụng số tiền 235.000.000đ cho chị Phạm Thị Th, chị Trần Thị H, anh Trần Văn D, chị Trần Thị H, chị Vũ Thị T, chị Hà Thị X, chị Nguyễn Thị T, chị Hoàng Thị L, anh Đinh Văn Ng có nới cư trú tại huyện Q, tinhgr Thanh Hóa vay tiền với lãi suất từ 10%/tháng đến 20%/tháng, tương đương mức lãi suất từ 120%/năm đến 240%/năm, vượt quá từ 06 đến 12 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính số tiền 186.849.562đ.

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cầu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo không bổ sung thêm tình tiết gì làm thay đổi nội dung vụ án.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Quyết

định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn B phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp tài sản và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 10%/tháng đến 20%/tháng, tương đương mức lãi suất từ 120%/năm đến 240%/năm, vượt quá từ 6 đến 12 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhằm thu lợi bất chính 186.849.562đ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, vì vậy cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật Hình sự .

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường trả lại số tiền lãi vượt quá theo qui định pháp luật cho một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; sau khi phạm tội đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát giao dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ sức cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi, do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7]. Về các biện pháp tư pháp:

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn B gồm: 219.500.000.000đ tiền gốc B cho khách vay và 21.616.438đ là tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS mà B đã thu.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của chị Trần Thị H 15.500.000đ tiền gốc là tiền chị H chưa trả cho B,

+ Đối với số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà B đã thu của những người cho vay: Chị Phạm Thị Th, chị Trần Thị H và anh Trần Văn D không yêu cầu B phải trả lại, vì vậy không xem xét. Trước ngày đưa vụ án ra xét xử (04/12/2023), B đã tự nguyện trả đủ số tiền lãi vượt quá quy định của BLDS cho chị Vũ Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn Ng, chị Hà Thị X; những người này không có yêu cầu B phải trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. B phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho người vay còn lại là chị Trần Thị H số tiền 8.486.301đồng, chị Hoàng Thị L 27.789.288đ.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2, 3 Điều 201; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 38; khoản 2, 3 Điều 47 BLHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

Xử phạt: Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 68 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về hình phạt bổ sung*: Phạt bị cáo 40.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- *Về các biện pháp tư pháp:*

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn B gồm: 219.500.000.000đ (Hai trăm mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng và 21.616.438đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng. Tổng số tiền truy thu là 241.116.438đ (Hai trăm bốn mươi mốt triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của chị Trần Thị H 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Đối với số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà B đã thu của những người cho vay:

Buộc Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật đã thu cho chị Trần Thị H: 8.486.301đồng, chị Hoàng Thị L 27.789.288đ.

* *Về án phí:* Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sư.

* *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 - BLTTHS.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm iết./.

Nơi nhận:
- VKS huyện Quảng Xương;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H Quảng Xương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Dung